

Biểu số II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2022

TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

- Đơn vị báo cáo:

Sở NN & PTNT tỉnh Điện Biên

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh.

(Ban hành Kèm theo Báo cáo Kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022 trên Hệ thống Báo cáo Chính phủ ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
1	Bảo vệ thực vật	143	84	59	0	140	140	0	0	3	3	0
2	Thú y	252	52	200	0	251	251	0	0	1	1	0
3	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	83	72	11	0	81	81	0	0	2	2	0
4	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0

5	Lâm nghiệp	53	0	53	0	50	50	0	0	3	3	0
6	Thủy lợi	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
7	Nông nghiệp	6	3	0	3	6	6	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	20	0	20	0	20	20	0	0	0	0	0
9	Công chức, viên chức	14	0	14	0	14	14	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		575	211	361	3	566	566	0	0	9	9	0

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN
MỘT CỬA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2022**
(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

- Đơn vị báo cáo:
Sở NN & PTNT tỉnh Điện Biên
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng UBND tỉnh.

(Ban hành Kèm theo Báo cáo Kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022 trên Hệ thống Báo cáo Chính phủ ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: TTHC, %.

TT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	CCMC, MCLT				Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
						Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã				
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14
Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên		132	107	15	10	127	103	14	10	127	103	14	10
1	Bảo vệ thực vật	8	8	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0
2	Thú y	17	17	0	0	15	15	0	0	15	15	0	0
3	Trồng trọt	4	3	0	1	4	3	0	1	4	3	0	1
4	Quản lý chất lượng nông, lâm,, thủy sản	3	3	0	0	3	3	0		3	3	0	0

5	Chăn nuôi-Thủy sản	16	14	2	0	16	14	2	0	16	14	2	0
6	Kinh tế hợp tác và PTNT	8	5	3	0	8	5	3	0	8	5	3	0
7	Nông nghiệp	3	1	1	1	3	1	1	1	3	1	1	1
8	Khoa học công nghệ và môi trường	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
9	Lâm nghiệp, kiểm lâm	18	14	4	0	16	13	3	0	16	13	3	0
10	Thủy lợi	27	19	5	3	27	19	5	3	27	19	5	3
11	Phòng chống thiên tai	8	3	0	5	8	3	0	5	8	3	0	5
12	Xây dựng	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
13	TTHC dùng chung (Công chức, viên chức, phòng chống, tham nhũng, khiếu nại, tố cáo)	17	17	0	0	17	17	0	0	17	17	0	0

Ghi chú: Sở Nông nghiệp và PTNT có tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT là 91 TTHC (86/91 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 05/91 TTHC thực hiện tại đơn vị thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 5, điều 14, Nghị định 61/2018/NĐ-CP thực hiện tại đơn vị - quy trình thực hiện các TTHC theo quy định hiện hành của Trung ương).

**Biểu số II.08/VPCP/KSTT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG
ĐIỆN TỬ QUÝ I SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

(Ban hành Kèm theo Báo cáo Kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022 trên Hệ thống Báo cáo Chính phủ ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên)

- Đơn vị báo cáo:
Sở NN & PTNT tỉnh Điện Biên
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	(có=1; không=0)
								3
A	DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO							
II	CẤP TỈNH						24	
1	Lĩnh vực Thú y						24	

	DVCTT Nhóm thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y				Theo các Quyết định: Số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 và số 406/QQĐ-TTg ngày 22/3/2021	x	24	1
2	Lĩnh vực Thủy sản							
	DVCTT Thủ tục cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản				Theo các Quyết định: Số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 và số 406/QQĐ-TTg ngày 22/3/2021	x	Trong năm không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	1
B	DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
II	CẤP TỈNH			81			106	
1	Lĩnh vực Thú ý			9			19	

1.1	<u>Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đông vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận.</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	0
1.2	<u>Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	0
1.3	<u>Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y</u>		x	9				0
1.4	<u>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	2	1
1.5	<u>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	17	0

2	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			69			15	
2.1	<u>Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón</u>		x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình				0
2.2	<u>Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)</u>		x	3				0
2.3	<u>Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật</u>				Quyết định số 1602/QĐ- UBND ngày 30/8/2021	x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	0
2.4	<u>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật</u>		x	35				1
2.5	<u>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật</u>				Quyết định số 1602/QĐ- UBND ngày 30/8/2021	x	11	1

2.6	<u>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón</u>		x	31				1
2.7	<u>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	4	1
3	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản						72	
3.1	<u>Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	0
3.2	<u>Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	42	0
3.3	<u>Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản</u>				Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	x	30	0

4	Lĩnh vực thủy sản							
4.1	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)		x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình				0
4.2	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực					X	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	
4.3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)					X	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	
4.4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản					X	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	

5	Lĩnh vực chăn nuôi							
5.1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn					x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	
5.2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn					x	Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	
6	Lĩnh vực nông nghiệp			3				
6.1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương		x	3				0
7	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường							
7.1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban		x				Không phát sinh hồ sơ bằng tất cả các loại hình	0

8	Lĩnh vực kiểm lâm							
8.1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES					x	0	
TỔNG CỘNG				81			130	